

UNIT 18: SENDING AND RECEIVING

Topic Vocabulary

	ngữ điệu, giọng
	(adj) hình thức, nghi thức, trang trọng
	(adj) không chính thức, kém trang trọng
	(adj) trong suốt, rõ ràng
	(adj, adv) trực tuyến
	(n) hệ thống mạng máy vi tính
	(n) hình ảnh
	(n) hồ sơ, dữ liệu
	(n) kênh
	(n) người xem
	(n) phương tiện truyền thông
	(n) tín hiệu
	(n) trang chủ
	(v) chọn lựa, nhấp chuột
	(v) đánh máy
	(v) kết nối, liên kết (n) mối liên hệ, sự liên kết
	(v) làm gián đoạn
	(v) liên lạc, liên hệ (n) sự tiếp xúc, sự liên hệ
	(v) nguyên rủa, thê thốt, tuyên thệ
	(v) phát âm, đọc to
	(v) phát thanh (n) chương trình truyền hình
	(v) rung lên, reng lên, kêu lên
	(v) tạm nghỉ, tạm ngừng (n) sự tạm nghỉ, sự tạm ngừng
	(v) thì thầm, thì thào (n) tiếng thì thầm
	(v) thỉnh cầu, yêu cầu (n) lời thỉnh cầu, lời yêu cầu

	(v) thuật lại, báo cáo, ghi chép (n) bản báo cáo
	(v) thuyết phục
	(v) xuất bản
	điện thoại di động
	thông báo

Phrasal Verbs

	gọi lại
	đăng nhập vào một trang web
	đăng xuất khỏi một trang web
	dập máy để dừng cuộc gọi
	điền thông tin vào chỗ trống
	được xuất bản
	in ra giấy
	mật kết nối

Prepositional Phrases

	gửi bằng thư điện tử
	bằng điện thoại
	bằng thư tay
	trên đài
	trên điện thoại
	trên mạng
	trên tin tức
	trên tivi

Word Formation

	(adj) chắc chắn
	(adj) biểu cảm
	(adj) chứa nhiều thông tin
	(adj) có thể tiên đoán được, có thể dự đoán được

	(adj) không thể dự đoán được
	(adv) một cách chắc chắn
	(adv) một cách thâm kín, riêng tư
	(n) bài nói, bài diễn văn, bài phát ngôn
	(n) bí mật
	(n) điều chắc chắn, sự chắc chắn
	(n) loa - người diễn giả/người phát ngôn
	(n) người dịch
	(n) sự bày tỏ, sự thô lộ
	(n) sự bí mật, sự bí ẩn, sự kín đáo
	(n) sự dịch nghĩa
	(n) sự dự đoán
	(n) sự giao tiếp
	(n) sự kết nối
	(n) sự phân phát
	(n) thông tin
	(v) bày tỏ, biểu lộ
	(v) dịch, dịch nghĩa
	(v) kết nối
	(v) mật kết nối
	(v) nói
	(v) phân phát
	(v) thông báo, báo cho biết
	(v) tiên đoán, dự đoán
	(v) truyền đạt, giao tiếp
	v2 - speak
	v3 - speak

Word Patterns

	(v) nhận xét về điều gì
	(v) liếc nhìn, nhìn thoáng qua
	(v) trò chuyện, giao tiếp với ai
	dịch sang
	gửi thứ gì cho ai đó

	kê với ai về thứ gì
	một lá thư từ ai đó về thứ gì
	nhận được thứ gì từ ai
	nói với ai về thứ gì
	thông tin về thứ gì
	trả lời, phản hồi ai
	viết cho ai đó về thứ gì